

Bản án số: **86/2025/DS-ST**
Ngày: 02/6/2025
V/v “*Tranh chấp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Ông Phan Hoàng Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 554/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ L (T)**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hiền E**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A G, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Minh H**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A G, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 15/10/2024, Bản tự khai ngày 15/01/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau:*

Trước đây, bà Mỹ L có làm chủ hội, bà Hiền E tham gia chơi hội các dây như sau:

Dây thứ 1: Hội 2.000.000 đồng, hội khui ngày 15/12/2021 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, hội có 25 phần. Bà Hiền E hót đầu. Sau khi hót hội, bà Hiền E đóng lại cho bà L được 03 phần thì không đóng nữa, bà L choàng dây hội này tới gần 21 phần nữa nên bà Hiền E còn nợ lại bà L số tiền: 21 phần x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hội 100.000 đồng, hội khui ngày 10/5/2022 âm lịch, mỗi tháng khui một lần. Dây hội này bà Hiền E còn nợ lại bà L số tiền: 23.700.000 đồng. Dây hội này các bên không có lập văn bản, giấy tờ chứng minh.

Đến ngày 20/5/2022 (âm lịch) tức ngày 18/6/2022 dương lịch thì bà H1 Em ngưng giao dịch, không đóng hội cho bà Mỹ L.

Trước đây, bà Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Hiền E, ông Phan Minh H có nghĩa vụ liên đới trả nợ 02 dây hội với số tiền 65.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 18/6/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Mỹ L rút yêu cầu khởi kiện đối với dây hội thứ 2 và yêu cầu ông Phan Minh Hoàng liên Đ trả nợ. Bà Mỹ L liên tiếp T1 yêu cầu bà H1 em có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 42.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày 18/6/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Hiền E, ông Phan Minh H các văn bản tố tụng nhưng bà L, ông H vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù ông, bà vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Hiền E, ông Phan Minh H.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Buộc bà Nguyễn Thị Hiền E có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền nợ hội 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và 12.663.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hiền E trả số tiền nợ hội. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp “hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú của Công an xã B thì bà Nguyễn Thị Hiền E có đăng ký thường trú tại ấp A G, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hiền E, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà Hiền E, ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà E, ông H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ L rút yêu cầu khởi kiện đối với đây hội thứ 2 (ngày 10/5/2022 âm lịch) với số tiền 23.700.000 đồng và rút yêu cầu buộc ông Phan Minh H có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Hiền E trả nợ. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về nội dung vụ án:

[5] Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện cho rằng có cho bà Nguyễn Thị Hiền E trả số tiền hội 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) đến nay chưa trả. Cơ sở khởi kiện là “Giấy hội ngày 15/12/2021” (bút lục 34).

Xét thấy, “Giấy hội ngày 15/12/2021” có ghi rõ họ tên, chữ ký của bà Nguyễn Thị Hiền E, thể hiện rõ bà Hiền E đã hót hội đây hội ngày 15/1/2021.

Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của chủ hội là giao hội cho hội viên đầy đủ. Tuy nhiên, bà Hiền E không đóng hội lại cho chủ hội là đã vi phạm nghĩa vụ hội viên.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hiền E đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Nguyễn Thị Hiền E vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, đã thể hiện tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về số tiền hội 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu tính lãi số tiền hội 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày hội viên vi phạm nghĩa vụ (18/6/2022) cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (ngày 02/6/2025).

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đây hội của bà Nguyễn Thị Mỹ L khi tham gia chơi hội các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, đây là đây hội không có lãi. Điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biểu, phường quy định:

“2. Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:

Trường hợp họ (hội) không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21

của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp”.

- Khoản 1 Điều 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biểu, phường quy định:

“Điều 21.

1. Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó”.

Thấy rằng, bà Nguyễn Thị Hiền E là hội viên đã hốt hội, sau đó, không tiếp tục đóng hội các phần còn lại của dây hội đến mãi mà chủ hội bà Nguyễn Thị Mỹ L đã choàng thay cho đến nay.

Từ những cơ sở trên thấy rằng, yêu cầu tính lãi số tiền nợ hội của Nguyễn Thị Hiền E từ ngày vi phạm nghĩa vụ (18/6/2022) đến ngày xét xử vụ án (02/6/2025) phù hợp với các quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 22, Điều 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biểu, phường là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

42.000.000 đồng x 10%/năm x 35 tháng 14 ngày = 12.663.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Vậy, bà Nguyễn Thị Hiền E có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hội là 54.663.000 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng), bao gồm 42.00.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền nợ hội, 12.663.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền lãi.

[7] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí và bà Nguyễn Thị Hiền E phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 54.663.000 đồng x 5% = 2.733.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 21, Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biểu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Hiền E về việc tranh chấp “Hội” đối với số tiền hội 23.700.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với yêu cầu ông Phan Minh H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hiền E trả tiền nợ hội.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị Hiền E về việc tranh chấp “Hội”.

4. Buộc bà Nguyễn Thị Hiền E có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền hội là 54.663.000 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng), bao gồm 42.00.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền nợ hội, 12.663.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:***

Buộc bà Nguyễn Thị Hiền E phải chịu số tiền án phí là 2.733.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

H2 lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền án phí đã nộp là 2.024.217 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm mười bảy đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007043 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Hiền E, ông Phan Minh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ